TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-PT
Ngày: 30-06-2021
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Khánh Thành là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DS-ST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:134/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2021/QĐ-DS ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm:1965; Trú tại: Thôn Đồng Tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)

- *Bị đơn*:

+ Bà Cà Thị T, sinh năm:1970; trú tại: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh L. (Có mặt)

+ Ông Phùng Minh C, sinh năm: 1993; trú tại: Thôn T, xã T1, huyện Đ, tỉnh L (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm: 1985; Địa chỉ: 90 Nguyễn Thị Minh K, thị trấn L, huyện Đ,tỉnh L (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ngày 22/11/2016 âm lịch bà có cho bà Cà Thị T và con trai bà T là ông Phùng Minh Tấn vay số tiền là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định của pháp luật. Quá trình vay bà có yêu cầu nhiều lần nhưng ông Tấn, bà T không trả cho bà tiền gốc và lãi suất phát sinh. Đến ngày 04/4/2019 bà T, ông Tấn mới trả cho bà 10.000.000đ (Mười triệu đồng), ngày 22/7/2019 bà T, ông Tấn có trả cho bà thêm 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và đến tháng 8 năm 2019 ông Tấn, bà T trả cho bà 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Tổng cộng ba lần ông Tấn, bà T có trả cho bà là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Khi bà T, ông Tấn trả tiền cho bà cũng không xác định là tiền gốc hay tiền lãi. Tổng cộng tiền gốc và lãi bà T, ông Tấn còn nợ bà tính đến tháng 8/2019 là 46.500.000 đồng. Ông Tấn, bà T đã trả cho bà 30.000.000đ gốc nên còn nợ lại 16.500.000đ tiền lãi, từ đó đến nay ông Tấn, bà T không trả gì thêm. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Cà Thị T và ông Phùng Minh Tấn trả cho bà số tiền là 16.500.000đ và tiền lãi suất phát sinh đến nay là 3.300.000đ.

Đối với 02 giấy gốc bà Cà Thị T cung cấp cho Tòa án gồm: 01 giấy cho vay tiền ghi ngày 22/11/2016 Âm lịch, mặt sau có ghi ngày 12/8/2019 bà tên Nguyễn Thị C đã nhận đủ 30 triệu tiền gốc của bà Cà Thị T là đúng chữ ký và chữ viết của bà. Bà xác nhận giấy này là chữ viết và chữ ký của bà; 01 Giấy ghi ngày 04/4/2019 có nội dung bà nhận 10.000.000đ, phía dưới có ghi nội dung bà T trả trước sau 20.000.000đ và còn nợ lại 10.000.000đ. Tuy nhiên thực tế bà chỉ có nhận 10.000.000đ của bà T nhưng cũng không xác định tiền lãi hay gốc, ngoài ra bà không nhận bất kỳ khoản tiền nào của T. Còn đối với nội dung phía dưới có ghi: "*bà T trả trước sau 20.000.000đ và còn nợ lại 10.000.000đ"* có chữ ký của bà Nguyễn Thị C phía dưới không phải chữ ký và chữ viết của bà.

Bị đơn bà Cà Thị T trình bày: Đúng là vào ngày 22 tháng 11 năm 2016, bà và con trai Phùng Minh Tấn có vay của bà Nguyễn Thị C số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận. Quá trình vay bà làm ăn khó khăn nên đến hạn bà không trả được nợ cho bà C. Tuy nhiên, vào ngày 04/4/2019 bà có trả lãi cho bà Nguyễn Thị C tổng cộng là 20.000.000đ và đến ngày 12/8/2019 bà đã trả đầy đủ tiền gốc cho bà C. Như vậy bà và con trai bà không còn nợ nần gì bà C nữa. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C thì bà không đồng ý. Bà đã cung cấp cho Tòa án 02 giấy gốc thể hiện bà trả nợ gốc và lãi cho bà C. Đối với giấy gốc mặt sau có nội dung bà C nhận 30.000.000đ tiền gốc là bà Hường trả nợ thay cho bà, sau đó bà Hường yêu cầu bà C trả giấy gốc thì bà C viết lại giấy mới và xác nhận đã nhận đủ 30.000.000đ tiền gốc của bà. Bà xác định bà và con trai đã trả hết nợ gốc cho bà C. Đối với tiền lãi bà và con trai đã trả cho bà C nhiều hơn số tiền lãi theo quy định của pháp luật thì bà không yêu cầu bà T trả lại tiền lãi vượt quá.

Ông Phùng Minh T trình bày: Trước yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C yêu cầu ông và bà T trả số tiền lãi chậm trả thì ông không đồng ý, ông và mẹ ông là bà T đã trả hết nợ gốc và lãi cho bà C.

Bà Lê Thị Hường trình bày: Bà Hường có trả nợ thay cho bà T, ông Tấn tổng cộng 02 lần là 30.000.000đ. Bà C có viết giấy xác nhận đã trả đủ tiền nợ gốc như bà T đã cung cấp cho Tòa án.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DSST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Cà Thị T, ông Phùng Minh T trả số tiền là 19.800.000đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/4/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay bà C giữ nguyên kháng cáo đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2021/DSST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng.

Bà Cà Thị T và ông Phùng Minh T đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đầy đủ giấy báo của Tòa án, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn giữ nguyên bản án sơ thẩm số 19/2021/DSST ngày 19/3/2021của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các ý kiến của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị C trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu bà Cà Thị T và ông Phùng Minh T trả số nợ đã vay là 16.500.000đ và tiền lãi phát sinh là 3.300.000đ, bà T và ông Tấn không đồng ý trả nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là

"*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và cũng xác định đúng, đầy đủ tư cách của các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung vụ án và kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là các giấy vay tiền ngày 22/11/2016 âm lịch (BL 37 và BL 31) với nội dung: *"Tên tôi là nguyễn thị C thường trú tại thôn đồng tâm xã phi Liêng huyện đam rông tỉnh Lâm đồng ngày hôm nay là ngày 22-11-2016 âm lịch tôi có cho Bà cà thị T CM 250280635 và con phùng minh tấn 1993 vay số tiền là 30.000.000 bằng chữ ba mươi triệu đồng trẵn thường trú tại đinh văn lâm Hà lâm đồng hạn 22-2-2017 trả gốc lãi trả hàng tháng"* có chữ ký xác nhận của bà Cà Thị T, ông Phùng Minh T và bà Nguyễn Thị C; mặt sau có nội dung: *"Ngày hôm nay là ngày 12-8-2019 tôi tên là Nguyễn Thị C đã nhận đủ 30 triệu tiền gốc của bà Cà Thị T trả"* có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị C và xét giấy nhận tiền ngày 04/4/2019 có nội dung: "*Tôi Cà Thị T có trả nợ cho bà C trước sau là 20.000.000 đồng ..."*

Như vậy, có thể để khẳng định vào ngày 22-11-2016 (âm lịch) bà Nguyễn Thị C có cho bà T và ông T1 vay số tiền 30.000.000đ. Sau đó bà Cà Thị T, ông Phùng Minh Tấn có trả cho bà C hai lần tiền lãi tổng cộng là 20.000.000đ vào ngày 04/4/2019 và ngày 04/4 âm lịch (cả hai lần trả đều ghi chung vào một giấy biên nhận tiền); đến này 12/8/2019 trả tiếp 30.000.000đ tiền gốc, tổng cộng cả gốc và lãi bà T và ông T đã trả cho bà C là 50.000.000đ.

Đối với số tiền trả nợ trong giấy ghi ngày 4/4/2019 là 10.000.000đ phía dưới có ghi nội dung bà T trả cho bà C 20.000.000đ thì bà C thừa nhận có nhận 10.000.000đ, còn số tiền 20.000.000đ phía dưới bà C cho rằng đây không phải là chữ viết và chữ ký của bà C; tuy nhiên bà C không làm đơn đề nghị giám định chữ ký và chữ viết theo yêu cầu của Tòa án là tự từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; ngoài ra bà C cho rằng tổng số tiền mà bà T ông Tấn trả chỉ có 30.000.000 đồng là trả tiền gốc sau đó được viết vào mặt sau của tờ giấy vay nợ gốc ghi là đã trả đủ, còn tờ giấy ghi ngày 04/4/2019 ghi trước sau là 20.000.000 đồng và một lần 10.000.000đồng tổng cộng là 30.000.000đồng nhưng bà không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh số tiền 20.000.000đ trả ngày 04/4/2019 đã được chuyển thành 30.000.000đ tiền gốc trả ngày 12/8/2019, mà 02 giấy trả tiền này đều có nội dung khác nhau do đó cấp sơ thẩm chấp nhận chứng cứ do bà T cung cấp là có cơ sở.

Mặt khác, bà Nguyễn Thị C trình bày số tiền bà T, ông T1 trả cho bà không xác định được là tiền gốc hay tiền lãi, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà C thừa nhận bà T đã trả gốc là 30.000.000đ và 10.000.000đ tiền lãi và cũng thừa nhận bà H có trả cho bà thêm 10.000.000đ nữa. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định ngoài số tiền gốc 30.000.000đ ra thì bà T còn trả cho bà C 20.000.000đ tiền lãi là có căn cứ.

Về lãi suất: Bà Nguyễn Thị C yêu cầu tính lãi suất từ ngày 12/8/2019 đến nay là 3.300.000đ. Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 12/8/2019 bà C đã nhận đủ tiền nợ gốc và số tiền lãi bà T, ông Tấn đã trả cho bà C là 20.000.000đ vượt quá số tiền bà C yêu cầu. Do đó nghĩa vụ trả tiền lãi của bà T, ông Tấn với bà C đã hoàn thành từ ngày 12/8/2019. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà C là đúng quy định của pháp luật.

Đối với số tiền bà T, ông T1 trả (bao gồm tiền gốc và lãi suất) vượt quá số tiền bà C yêu cầu thì bà T, ông Tấn không yêu cầu bà C trả lại nên không đặt ra xem xét là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị C là không có cơ sở chấp nhận do đó cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí:

Do kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 19/2021/DSST ngày 19/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu bà Cà Thị T, ông Phùng Minh T phải trả số tiền là 19.800.000đ.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị C phải phải chịu 990.000đ (Chín trăm chín mươi ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền 495.000đ mà bà C đã tạm nộp theo biên lai thu số AA/2017/0000586 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án huyện Đức Trọng. Bà C còn phải nộp thêm 495.000đ (Bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí theo

biên lai số AA/2017/0001212 ngày 01/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đức Trọng;
- Chi cục THADS huyện ĐứcTrọng;
- Phòng KTNV&THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Mạnh Hùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**